

Số: /TYC-BVNT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho danh mục mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá:

1. Đơn vị yêu cầu chào giá: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bản gốc nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 16h ngày 01 tháng 8 năm 2025 đến trước 16h ngày 12 tháng 8 năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 12/8/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục chào giá: Mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận (phụ lục 01).

2. Yêu cầu hồ sơ nhà thầu tham dự đính kèm các tài liệu sau:

- Thư chào giá hoặc bảng báo giá của nhà thầu theo mẫu tại phụ lục 02.

- Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa theo yêu cầu tại phụ lục 02.1 (Số phiếu tiếp nhận, số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu; Phân loại TBYT; Hồ sơ công bố tiêu chuẩn loại A, B; Mã kê khai giá). Công ty có thể gửi tài liệu sau thời hạn nhận báo giá trong vòng 5 ngày làm việc.

- Nhà thầu cung cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) hoặc giấy chứng nhận lưu hành (MA) các nước cho các nhóm danh mục tại phụ lục 01 (nếu có).

- Catalogue của nhà sản xuất và kèm theo bản dịch sang tiếng việt của hàng hoá (đính kèm file trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>)

hoặc <https://chaogiattbyt.moh.gov.vn> hoặc vtyt.bvninhthuan@gmail.com hoặc gửi trực tiếp).

- Quyết định trúng thầu hoặc hợp đồng trúng thầu có danh mục tương tự tại các Bệnh viện công lập bằng hình thức đấu thầu rộng rãi gần nhất (nếu có).

3. Địa điểm giao hàng: Kho Vật tư – Phòng VTTBYT, Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Không quá 03 ngày, kể từ ngày Bệnh viện đặt hàng.

5. Dự kiến thanh toán tiền hàng: Trong vòng 03 tháng kể từ khi nghiệm thu hàng hoá.

6. Các thông tin khác:

- Số lượng báo giá: 02 bản.

- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

- Hạn dùng của hàng hoá: đề nghị Quý Công ty cung cấp hạn dùng tính từ ngày Bệnh viện nhận được hàng.

- Thư yêu cầu này được đăng tải trên các trang thông tin điện tử: benhvienninhthuan.vn; muasamcong.mpi.gov.vn; chaogiattbyt.moh.gov.vn.

- Ngoài phong bì, Quý công ty ghi rõ thông tin: **Tên đơn vị tham gia báo giá; Tên danh mục báo giá; Người nhận: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838, Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận.**

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VTTBYT₇

GIÁM ĐỐC

Lê Huy Thạch

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM, CHỮA BỆNH

(Đính kèm Thư yêu cầu số: /TYC-BVNT ngày / /2025 của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận)

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
I.	Nhóm số 1: Các loại nẹp dùng trong chấn thương chỉnh hình			
1	Đai xương đòn	Mút mềm có độ dai, dày ≥ 18 mm. Vải thun/vải lưới đảm bảo độ thông thoáng, size 7-9	Cái	1.300
2	Nẹp cẳng tay	Mút mềm có độ dai, dày ≥ 4 mm. Vải thun/ vải lưới đảm bảo độ thông thoáng, chiều dài 16-28cm Loại tay trái	Cái	600
3	Nẹp cẳng tay	Mút mềm có độ dai, dày ≥ 4 mm. Vải thun/ vải lưới đảm bảo độ thông thoáng, chiều dài 16-28cm Loại tay phải	Cái	600
4	Nẹp cẳng bàn chân	Mút mềm có độ dai, dày ≥ 4 mm. Vải thun/vải lưới đảm bảo độ thông thoáng	Cái	1.000
5	Nẹp cánh cẳng tay	Mút mềm có độ dai, dày ≥ 4 mm. Vải thun/vải lưới đảm bảo độ thông thoáng, size 3,4 Loại tay phải	Cái	200
6	Nẹp cánh cẳng tay	Mút mềm có độ dai, dày ≥ 4 mm. Vải thun/vải lưới đảm bảo độ thông thoáng, size 3,4 Loại tay trái	Cái	200
7	Nẹp chống xoay	Mút mềm có độ dai, dày ≥ 4 mm. Vải thun/vải lưới đảm bảo độ thông thoáng	Cái	210
8	Nẹp cổ cứng	Mút xốp, cứng có nhiều lỗ thông thoáng, size 2,3	Cái	420
9	Nẹp cổ mềm	Mút mềm có độ dai, dày ≥ 18 mm Vải thun/vải lưới đảm bảo độ thông thoáng, size 8,9	Cái	80
10	Nẹp đùi	Mút mềm có độ dai, dày ≥ 4 mm. Vải thun/ vải lưới đảm bảo độ thông thoáng, chiều dài 60-70cm	Cái	1.300
11	Nẹp lưng	Mút mềm có độ dai, dày ≥ 4 mm. Vải thun/vải lưới đảm bảo độ thông thoáng, size 7-10	Cái	1.600
12	Nẹp vải desault	Mút mềm có độ dai, dày ≥ 3 mm. Vải thun/vải lưới đảm bảo độ thông thoáng, size 3,4 Đai vai trái	Cái	400
13	Nẹp vải desault	Mút mềm có độ dai, dày ≥ 3 mm. Vải thun/vải lưới đảm bảo độ thông thoáng, size 3,4 Đai vai phải	Cái	400

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
14	Nẹp Iselin	Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp mềm. Thanh nẹp thẳng, dễ dàng uốn cong để giữ ngón tay ở đúng vị trí chức năng khi sử dụng. Kích thước: $\geq 50\text{cm}$	Cái	500
15	Nẹp gỗ	Chất liệu gỗ tự nhiên, dài 0,6m	Cây	400
16	Nẹp gỗ	Chất liệu gỗ tự nhiên, dài 0,7m	Cây	400
17	Nẹp gỗ	Chất liệu gỗ tự nhiên, dài 0,5m	Cây	400
18	Nẹp gỗ	Chất liệu gỗ tự nhiên, dài 0,8m	Cây	400
19	Nẹp gỗ	Chất liệu gỗ tự nhiên, dài 0,9m	Cây	400
20	Nẹp gỗ	Chất liệu gỗ tự nhiên dài 1,2m	Cây	400
21	Nẹp xương bánh chè	Chất liệu: Thép y khoa hoặc tương đương, gồm 2 phần có 2 chấu và 3 chấu, được liên kết với nhau bằng 2 vít ngắn đi kèm Có 3 cỡ: nhỏ, trung, lớn	Cái	40
II.	Nhóm số 2: Vật tư dùng cho máy lọc máu liên tục			
1	Quả lọc máu liên tục	Quả lọc máu liên tục tương thích với máy lọc máu Prismaflex kèm bộ dây dẫn: Chất liệu: - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer hoặc tương đương - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate hoặc tương đương - Vách đầu quả lọc: Polyurethane hoặc tương đương - Ống dẫn: PVC hoặc tương đương - Cartridge: PETG Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc: - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,9m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút - Thể tích môi máu (chỉ ở quả lọc): 66 ml $\pm 10\%$ - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg	Bộ	600

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
2	Quả lọc máu liên tục	Quả lọc máu liên tục tương thích với máy lọc máu Prismaflex kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) Chất liệu: - Màng lọc cấu tạo 3 lớp: + Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer) hoặc tương đương, giúp hấp phụ các Cytokine + PolyethyleneImine (PEI): giúp hấp phụ nội độc tố + Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500+/-1500 IU/m2) - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate hoặc tương đương - Vách đầu quả lọc: Polyurethane hoặc tương đương - Ống dẫn: PVC hoặc tương đương - Cartridge: PETG Tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc - TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 193 ml - Diện tích màng: 1,5m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 100 - 450 ml /phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg	Bộ	500
3	Quả lọc thay huyết tương	Quả lọc trao đổi huyết tương tương thích với máy lọc máu Prismaflex được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 ml $\pm 10\%$ - Diện tích màng hiệu dụng: 0,35 m² - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene hoặc tương đương - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 μm - Độ dày thành sợi lọc: 150 μm - Thể tích máu trong sợi lọc: 41 ml $\pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: 100 ml/phút - Tốc độ máu tối đa: 400 ml/phút	Bộ	150
4	Catheter động mạch, tĩnh mạch	Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh dưới 1kg. Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PUR hoặc tương đương: + cỡ 1Fr + dài 20 cm + Tốc độ truyền dịch 0.7ml/phút + Thể tích mỗi dịch ban đầu 0.09ml - 01 kim dẫn đường cỡ 24G	Cái	300
III. Nhóm số 3: Vật tư dùng trong kỹ thuật thẩm phân phúc mạc				
1	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng	Chất liệu bằng Titanium hoặc tương đương Đầu nối ống thông dùng trong thẩm phân phúc mạc, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông Tiệt trùng bằng ethylene oxide	Cái	25

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
2	Bộ chuyển tiếp	Bộ chuyển tiếp (Transfer set) kết nối giữa catheter và túi dịch lọc dùng trong thẩm phân phúc mạc Tiệt trùng bằng ethylene oxide	Bộ	110
3	Nắp đóng bộ chuyển tiếp	Chất liệu: nhựa có chứa Povidon - Iod hoặc tương đương Được sử dụng để bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyển tiếp	Cái	30.500
4	Kẹp trắng	Chất liệu polypropylene hoặc tương đương, màu trắng Dùng để kẹp catheter lọc màng bụng trong trường hợp catheter bị thủng gây rò rỉ dịch màng bụng hoặc thay bộ chuyển tiếp cho bệnh nhân lọc màng bụng Tiệt trùng bằng ethylene oxide	Cái	50
5	Kẹp thay dịch xanh	Chất liệu: nhựa acetal hoặc tương đương Kẹp dùng để hỗ trợ cho việc lắp và tháo rời đầu nối bộ lọc màng bụng khỏi dung dịch lọc màng bụng. Kích thước: 9,6cm x 13cm	Cái	50
6	Catheter lọc màng bụng	Catheter đầu cong, kích thước 15F, dài 63cm. Chất liệu: silicone hoặc tương đương, có chứa một dải cản quang. Nút chặn kép đảm bảo an toàn	Cái	30
IV. Nhóm số 4: Vật tư dùng trong nha khoa				
1	Thun tách kẽ răng sau	- Chất liệu: cao su nguyên chất hoặc tương đương - Thun màu xanh, có hình tròn nhỏ. - Gói/ ≥ 1000 sợi.	Gói	8
2	Keo gắn mắc cài	Dùng gắn mắc cài kim loại, sứ, pha lê Hộp/ ≥ 4 tuýp, 01 tuýp $\geq 4g$.	Hộp	12
3	Thép buộc	- Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương - Đường kính: ≤ 0.012 inch Gói/ ≥ 100 sợi.	Gói	2
4	Mắc cài kim loại	- Vật liệu: thép không gỉ hoặc tương đương Để mắc cài ≥ 80 lỗ sàng Tương thích với mặt cong răng nanh và răng hàm Hộp/ ≥ 20 cái.	Hộp	30
5	Thun buộc mắc cài	Không có thành phần latex cao su tự nhiên, thiết kế thun với góc gấp 45 độ. Gói/ ≥ 100 thanh	Gói	40
6	Thun chuỗi khít	Thun chuỗi, cuộn dài $\geq 457cm$, không có thành phần Latex cao su tự nhiên, khoảng cách 2 mắt $\leq 2.8mm$.	Cuộn	10
7	Thun chuỗi thưa	Thun chuỗi, cuộn dài $\geq 457cm$, không có thành phần Latex cao su tự nhiên, khoảng cách 2 mắt $\geq 3.6mm$.	Cuộn	10
8	Keo dán nha khoa	Dùng để gắn trực tiếp mắc cài chỉnh nha sứ và kim loại. - Thành phần: acrylate - Sử dụng ở nhiệt độ: từ $20 \rightarrow 25^{\circ}C$ - Quy cách: Hộp/2 ống x ($\geq 4g$); 1 lọ primer $\geq 6ml$ và ≥ 60 đầu cọ	Hộp	8
9	Thun kéo liên hàm	- Chất liệu: cao su latex, được phủ bột báp không có chất phụ gia tạo màu. - Nhiều kích cỡ, đường kính là 3.2- 7.9mm. - Lực kéo : 31/2 - 6 oz - Gói/ ≥ 100 cái	Gói	180
10	Dây cung	Có độ đàn hồi và khả năng uốn cong. Kích cỡ 0.012 inch, hàm trên, hàm dưới Hộp/ ≥ 10 dây	Hộp	20

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
11	Dây cung	Có độ đàn hồi và khả năng uốn cong. Kích cỡ 0.014 inch, hàm trên, hàm dưới Hộp/≥10 dây	Hộp	20
12	Dây cung	Có độ đàn hồi và khả năng uốn cong. Kích cỡ 0.016 inch, hàm trên, hàm dưới Hộp/≥10 dây	Hộp	16
13	Dây cung	Có độ đàn hồi và khả năng uốn cong. Kích cỡ 0.016 x 0.016 inch, hàm trên, hàm dưới Hộp/≥10 dây	Hộp	16
14	Dây cung	Có độ đàn hồi và khả năng uốn cong. Kích cỡ 0.016 x 0.022 inch, hàm trên, hàm dưới Hộp/≥10 dây	Hộp	16
15	Dây cung	Chất liệu: thép không gỉ, khả năng định hình tốt. Kích thước 0.016 x 0.016 inch, hàm trên, hàm dưới Hộp/≥10 dây	Hộp	16
16	Dây cung	Chất liệu: thép không gỉ, khả năng định hình tốt. Kích thước 0.016 x 0.022 inch, hàm trên, hàm dưới Hộp/≥10 dây	Hộp	16
17	Dây cung	Chất liệu: thép không gỉ, khả năng định hình tốt. Kích thước 0.017 x 0.025 inch, hàm trên, hàm dưới Hộp/≥10 dây	Hộp	16
18	Dây cung	Chất liệu: thép không gỉ, khả năng định hình tốt. Kích thước 0.018 inch, hàm trên, hàm dưới Hộp/≥10 dây	Hộp	16
19	Kẽm siết mắc cài	Vật liệu: thép không gỉ hoặc tương đương Dùng để buộc mắc cài Kích thước: 0.008 - 0.012 inch Hộp/≥100 cái	Hộp	8
20	Lò xo chỉnh nha	Chất liệu: Nitinol hoặc tương đương. Dùng trong thủ thuật niềng răng. Kích thước: 0.014 x 0.036 inch. Gói/≥3 cái	Gói	24
21	Banh miệng	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương, chiều dài ≥120mm. Hộp/≥02 cái	Hộp	4
22	Cao su nặng	- Thành phần: Vinyl polysiloxane Impression Material Putty - Thể tích: 2 x 305 ml/hộp	Hộp	10
23	Cao su nhẹ	- Thành phần: Hydrophilic Vinyl Polysilxane Impression Materia, dạng lỏng - Thể tích: 2 x 100ml/hộp - Sử dụng kèm súng bơm cao su.	Hộp	10
24	Xi măng hàn răng	Dùng để gắn cầu răng, mão răng, chốt, mắc cài kim loại Hộp/lọ (30g) + chai (15g)	Hộp	10

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
25	Xi măng gắn phục hình	Xi măng gắn phục hình dùng trong nha khoa Hộp/ 2 tuýp, tuýp/5g.	Hộp	8
26	Cọ bông bôi keo trám răng	- Cọ quét keo với đầu lông mịn, không rụng lông tơ khi sử dụng, không tan trong môi trường miệng hay dung môi trong vật liệu nha khoa. - Các cỡ	Cái	10.400
27	Composite đặc	Dùng để trám các răng trước và sau Màu: các loại	Nhộng	7.400
28	Composite lỏng	Dùng trám lót, trám bít hố rãnh, xoang nhỏ, thành bên các xoang II, xoang V. Màu: A2	Nhộng	1.400
29	Côn trám bít ống tủy	Chất liệu: gutta-percha hoặc tương đương Có độ thuôn 2%-6%, có vạch Các size: 15-80. Hộp/≥120 cây.	Hộp	580
30	Chất trám	Dùng để trám phục hồi răng, sử dụng điều trị xoang I, xoang II và trám lót cho các xoang lớn. Có 2 màu : A3, A3.5 Hộp/ Lọ (≥15g) bột + chai (≥8g) chất lỏng	Hộp	30
31	Keo trám bít ống tủy	Có khả năng trám bít kín không tạo bọt khí/lỗ hở. Không nhiễm màu lên răng. Tuýp/ ≥13.5g	Tuýp	12
32	Chỉ co nước	- Chất liệu: 100% cotton hoặc tương đương, không ngấm tẩm hóa chất - Các size 0, 00, 000 Cuộn/≥330cm.	Cuộn	20
33	Chất hàn răng	Dạng gel với thành phần 37% axit phosphoric Tuýp/≥3g.	Tuýp	30
34	Giấy cắn mỏng	Giấy cắn 2 mặt màu xanh đỏ, dày 80µ Hộp/≥12 xấp	Hộp	24
35	Thuốc nội nha che tủy	- Thành phần: Ca(OH) ₂ dạng bột nhão, pH 12.5 - Dùng đặt trong ống tủy. Tuýp/≥1.2ml.	Tuýp	10
36	Keo dán ngà	Đây là một loại keo được sử dụng trong nha khoa, dùng để dán trên men và ngà. Lọ/≥5ml	Lọ	24
37	Gel bôi trơn ống tủy	- Loại bỏ các chất vô cơ bằng EDTA-Ca+ - Loại bỏ mủn ngà, giúp làm sạch thành ống tủy. Tuýp/≥7g.	Tuýp	24
38	Keo dán hàn răng	Dùng cho phục hình trực tiếp và gián tiếp. Lọ/≥6ml.	Lọ	6
39	Giấy sát khuẩn tay khoan	Áp dụng cho bề mặt cứng - không xốp Hộp/≥160 tờ	Hộp	52

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
40	Dụng dịch vệ sinh ống tủy	- Loại bỏ các chất vô cơ bằng EDTA-Ca+ - Dùng cho ống tủy hẹp ở những răng sau. - Loại bỏ mủn ngà, giúp làm sạch thành ống tủy. Chai/≥100ml.	Chai	100
41	Ống hút nha	Chất liệu: nhựa PVC hoặc tương đương, mềm dẻo, không độc hại. Kích thước: đường kính 6,5mm x chiều dài 15cm	Cái	56.000
42	Cán gương khám	- Chất liệu: nhôm anodized hoặc tương đương - Cán gương dài ≥12cm. - Gắn được với tất cả các mặt gương	Cái	140
43	Thăm trám	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương Hai đầu: 1 đầu cong + 1 đầu thẳng	Cái	100
44	Kẹp gấp bông	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. Chiều dài ≥160mm	Cái	100
45	Dụng cụ nạo ngà	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. Đường kính ≤1.2mm	Cái	24
46	Kéo cắt chỉ	- Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. - Chiều dài ≥115mm. - Đầu thẳng	Cái	110
47	Kéo cắt chỉ	- Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. - Chiều dài ≥115mm. - Đầu cong	Cái	110
48	Kềm chỉnh nha	- Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. - Chiều dài ≥120mm.	Cái	20
49	Nạy chân răng	- Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. - Đầu nạy ≥3mm	Cái	120
50	Mũi cạo vôi răng	Chất liệu: inox 304 hoặc tương đương Dùng để nạo túi và lấy cao răng Tái sử dụng	Cái	28
51	Kẹp giữ mô	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. Chiều dài ≥140mm Loại cong	Cái	100
52	Kẹp phẫu tích	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. Đường kính mẫu 0.6mm Chiều dài ≥120mm, loại không mẫu	Cái	100
53	Trâm tay	Dụng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy Size: 08-80 Chiều dài: 21mm và 25mm Hộp/≥6 cây	Hộp	680
54	Trâm gai	- Dùng để lấy tủy răng, tay cầm có màu khác nhau tương ứng với kích thước của đường kính ống tủy - Size: 1-5 - Chiều dài: 21mm	Cái	3.800
55	Kềm nhổ răng	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. Nhổ răng cối hàm trên, hàm dưới	Cái	40
56	Kềm nhổ răng	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. Kềm nhổ răng cửa hàm trên, hàm dưới	Cái	40
57	Kềm nhổ răng	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. Kềm nhổ răng số 8 hàm trên, hàm dưới	Cái	20
58	Kềm mô chim	Đầu kềm dài nhọn. Được thiết kế để làm việc với dây cung có đường kính nhỏ 0.016 inch - Đầu thon giúp bẻ Loop có đường kính 135mm	Cái	20
59	Nạy khuỷu tam giác	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. Nạy khuỷu tam giác trái - phải. Bộ/≥2 cái	Bộ	10
60	Cây nong ống tủy	Hình dạng mặt cắt: từ #06-#40 là hình vuông, từ #45-#140 là hình tam giác. Vĩ/≥6 cây	Vĩ	900

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
61	Cây dừa ống tủy	Hình dạng mặt cắt: #08-#140 là hình giọt nước Vĩ $\geq$ 6 cây	Vĩ	900
62	Tay khoan nhanh	- Kích thước đầu tay khoan: đường kính 12mm x chiều dài 13.1mm - Áp suất khí: 2.5 - 2.7 (kgf/cm ²) - Công suất: 20W. - Tốc độ: 300.000 - 400.000 vòng/ phút. - Loại mũi khoan: Nút bấm - Loại 3 tia phun nước - Thời gian bảo hành: $\geq$ 12 tháng	Cái	30
63	Tay khoan	- Tay thẳng khoan nha khoa tốc độ chậm - Tốc độ quay 40.000 vòng/ phút - Khử trùng tay khoan: 135 độ C - Sử dụng mũi khoan HP đường kính là 2.350mm, trơn, không có rãnh/móc	Cái	14
64	Tay khoan	- Đầu khuỷu tay khoan nha khoa tốc độ chậm - Đầu khuỷu đáp ứng tốc độ tối đa 30.000 vòng/phút - Sử dụng mũi khoan RA đường kính là 2.350mm, có rãnh/móc để kẹp giữ mũi khoan - Khử trùng tay khoan: 135 độ C.	Cái	14
65	Động cơ tay khoan	- Động cơ tay khoan nha khoa tốc độ chậm - Động cơ: Air Motor, tốc độ 20.000 vòng/phút - Khử trùng tay khoan: 135 độ C.	Cái	30
66	Dầu máy	- Thích hợp với tất cả các loại tay khoan nha khoa - Đỉnh kèm 2 đầu xịt phù hợp với nhiều loại tay khoan khác nhau. - Chai/ $\geq$ 550ml	Chai	50
67	Trâm đưa xi măng vào ống tủy	- Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương, có độ đàn hồi. Chịu được nhiệt độ hấp khử trùng mà không bị biến dạng. - Các size: 25-40, dài 21-25mm.	Cây	80
68	Mũi khoan kim cương	- Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương, dùng trong nha khoa - Các loại, các cỡ	Cây	1.870
69	Mũi khoan xương	- Mũi khoan phẫu thuật trụ, dùng với tay khoan tốc độ chậm - Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương - Chiều dài làm việc: 44,5mm - Các kích thước: 005-027	Cái	600
70	Mũi mở tủy	- Tốc độ chịu được từ 160.000 đến 300.000 vòng/phút - Hình phễu - Chiều dài: 21-25mm	Cây	140
71	Mũi mở tủy	- Chất liệu: kim cương hoặc tương đương - Kết hợp cùng lúc 2 tác động khoan và cắt: đầu mũi khoan hình tròn đi vào buồng tủy, thân mũi khoan hình nón tác dụng mở rộng hết trần tủy. - Size: 1, 2, 3. Chiều dài 21mm	Cây	1.400
72	Mũi khoan vít mặt	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. Đường kính 2.0mm Chiều dài mũi khoan: 72-110mm Chiều dài làm việc: 25mm	Cái	20

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
73	Mũi khoan xương	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương. Đường kính 2.0mm Chiều dài mũi khoan: 72-110mm Chiều dài làm việc: 25mm Tương thích với vít 2.4mm	Cái	10
74	Mũi khoan xương	- Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương - Đường kính 1.6mm - Chiều dài làm việc: 22mm - Tương thích với vít 2.0mm.	Cái	20
75	Mũi khoan xương	- Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương - Đường kính 1.1mm, - Chiều dài mũi khoan: 58-65mm - Chiều dài làm việc: 12-15mm - Tương thích với vít 1.5mm.	Cái	4
76	Nẹp thẳng	- Chất liệu: Titanium hoặc tương đương - Nẹp hàm thẳng 4 lỗ, dài 27.6mm, khoảng cách 2 lỗ 5.5mm - Nẹp rộng 6mm, nẹp dày 1.5mm Tương thích với vít đường kính 2.4mm, vít khân cấp 2.7mm trong trường hợp lồng vít.	Cái	100
77	Nẹp thẳng	- Chất liệu: Titanium hoặc tương đương - Nẹp thẳng 18 lỗ, dài 98mm, khoảng cách 2 lỗ 5.5mm - Nẹp rộng 4.5mm, nẹp dày 0.8 - 1mm - Tương thích với vít đường kính 1.95mm, vít khân cấp 2.3mm trong trường hợp lồng vít.	Cái	400
78	Nẹp thẳng	- Chất liệu: Titanium hoặc tương đương - Nẹp thẳng 12 lỗ, dài 53.1mm, khoảng cách 2 lỗ 4.5mm - Nẹp dày 0.7mm - Tương thích với vít đường kính 1.5mm, vít khân cấp 1.8mm trong trường hợp lồng vít.	Cái	40
79	Vít hàm	- Chất liệu Titanium hoặc tương đương - Đường kính 2.4mm, dài: 8 - 18 mm	Cái	440
80	Vít mặt	- Đường kính 2.0mm, dài 6-11mm, tự taro - Mũi vít loại chữ thập có lỗ hình trụ ở trung tâm - Thân vít màu xanh - Chất liệu Titanium hoặc tương đương	Cái	1.700
81	Vít xương	Chất liệu: Titanium hoặc tương đương Vít có đường kính 1.5mm, đường kính trong 1.0mm, bước ren 0.7 mm Dài 6-12mm Đầu vít tạo mặt phẳng với nẹp, lưới sau khi bắt Tương thích với mũi khoan đường kính 1.1mm, vít khân cấp có đường kính 1.8mm, dài 6-10mm.	Cái	80
82	Khâu răng 6	Thành phần: thép không gỉ Được dùng trong điều trị chỉnh nha Đánh dấu ID bằng laser vĩnh viễn. Thành bên thẳng để giảm tách kẽ Có nhiều kích cỡ khác nhau. Tube 1 ống R6: - Hàm trên: Distal Offset: 10°, Arch: -14°, dài: 4mm - Hàm dưới: Distal Offset: 0°, Arch: -20°, dài: 4.3mm Tube 2 ống R6: - Hàm trên: Distal Offset: 0°, Arch: 0°, dài: 3.6mm - Hàm dưới: Distal Offset: 0°, Arch: -20°, dài: 4.3mm	Cái	400

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
83	Khâu răng 7	Khâu chỉnh nha răng cối gồm khâu trơn, cleat và tube đơn. Thành phần: thép không gỉ Được dùng trong điều trị chỉnh nha Đánh dấu ID bằng laser vĩnh viễn. Thành bên thẳng để giảm tách kẽ Có nhiều kích cỡ khác nhau. Tube 1 ống R7: - Hàm trên: Distal Offset: 10°, Arch: -14°, dài: 4.3mm - Hàm dưới: Distal Offset: 0°, Arch: -10°, dài: 4.3mm	Cái	400
V. Nhóm số 5: Hoá chất và vật tư dùng cho giải phẫu bệnh				
1	Thuốc nhuộm tiêu bản OG 6	Thành phần: Phosphotungstic acid; Orange-G Certified; Isopropyl alcohol; Ethyl alcohol; Methyl alcohol; Water - Nhuộm keratin trong tế bào Chai/≥ 473ml	Chai	40
2	Thuốc nhuộm tiêu bản EA 50	Thành phần: Ethyl alcohol; Methyl alcohol; Isopropyl alcohol; Phosphotungstic acid; Eosin-Y Dye; Bismarck Brown Y; Fast Green fcf; Water - Màu nhuộm tế bào. Chai/≥ 473ml	Chai	40
3	Chất thay thế Xylen	- Loại bỏ chất béo tuyệt đối trong xử lý mô. - Không làm cho mẫu bị khô cứng khi phơi nhiễm kéo dài. - Sử dụng được cho tất cả các máy xử lý mô và máy nhuộm tự động. - Không benzen, ít mùi. - Thành phần: Isoparaffinic và hydrocarbon Bình/≥ 3,8 lít	Bình	180
4	Lưỡi dao cắt tiêu bản	- Cắt được tất cả các loại mô (mô cứng, mô mềm) và tương thích với nhiều loại máy cắt Hộp/≥ 50 lưỡi	Hộp	40
5	Khuôn đúc mô mẫu	- Cassette có lỗ dạng khe, dùng cho mẫu thường quy và có nắp rời kèm theo, bản lề nắp có thể đảo ngược. - Được thiết kế đạt hiệu suất tối đa từ in nhả đến xử lý và lưu trữ tự động. - Lực đóng và mở nắp có thể điều chỉnh được trong suốt quá trình xử lý.	Cái	9.000
6	Thuốc nhuộm tiêu bản Hematoxylin	- Lam nhuộm sắc nét, nhuộm sắc thể vùng nhân được phân định rõ ràng. - Thành phần: Nước, Ethylene glycol, Aluminum sulfate dodecahydrate, Acetic acid, Hematoxylin, Sodium iodate - Không có ái lực đối với nhuộm mucin Chai/≥ 473 ml	Chai	40
7	Thuốc nhuộm tiêu bản Eosin Y	- Phân định thành phần tế bào rõ nét, nhuộm tế bào chất của cơ, hồng cầu và mô liên kết với ba màu khác biệt từ hồng đến đỏ. Không lẫn lộn màu tế bào nhân và tế bào chất. - Thành phần: Ethyl alcohol, nước, Methyl alcohol, Isopropyl alcohol, Acid Acetic và Eosin-Y Dye. Chai/≥ 473 ml	Chai	40

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
8	Keo dán lam	- Keo dán lam dạng pha sẵn, khô nhanh, chất nền là Toluene, giúp quan sát rõ và không gây mờ màu nhuộm kể cả lưu trữ kéo dài. Chai/≥118 ml	Chai	24
9	Sáp Paraffin	Sáp Paraffin Type 6 Paraffin có công thức không chứa polyme nhưng vẫn đủ sự ổn định để sử dụng trong quá trình thẩm thấu và vùi mô Gói/≥ 900g	Gói	24
10	Chất gắn cố định tế bào	- Formol 10% pha sẵn trong dung dịch đệm có pH trung tính 6.8-7.2, sử dụng cho việc cố định bệnh phẩm tươi. - Ổn định với nhiệt độ đông lạnh. - Cô đặc giảm không gian lưu trữ. - Có công thức AFIP pha sẵn giúp giảm tiếp xúc với formaldehyde Thùng/(≥ 4 x5 lít)	Thùng	80
VI. Nhóm số 6: Vật tư y tế dùng chung				
1	Bình hút đàm	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: ≥2.5 lít	Cái	30
2	Bo điện cực máy điện tim	Dùng cho máy điện tim ECG Bộ/ ≥6 cái	Bộ	8
3	Túi ủ ấm cho trẻ sơ sinh	Kích thước: ≥ (36 x 52cm)	Cái	100
4	Bình hút đàm	Chất liệu: Nhựa y tế hoặc tương đương Dung tích: ≥ 1000ml	Cái	200
5	Bình tạo ẩm oxy	Chất liệu: Polyethylene hoặc tương đương Dung tích: ≥ 200ml Loại sử dụng nhiều lần	Cái	100
6	Bóng đèn vàng da	Dài 0,6m dùng để điều trị vàng da	Cái	300
7	Bao huyết áp	Chất liệu bằng vải mềm hoặc tương đương, kèm 1 ống dẫn khí bằng chất liệu cao su hoặc tương đương, có ruột Các cỡ	Cái	1.200
8	Bo huyết áp có val	Chất liệu cao su hoặc tương đương, có van	Cái	650
9	Bộ đo huyết áp cơ	Bao gồm: 1 máy đo huyết áp, 1 đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20-300mmHg, 1 ống dẫn khí bằng chất liệu cao su hoặc tương đương, 1 quả bóp bằng chất liệu cao su hoặc tương đương, 1 vòng bút làm bằng chất liệu vải hoặc tương đương	Bộ	100
10	Dây cưa sọ	Dây cưa sọ não Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương Chiều dài ≥40cm	Cái	240
11	Điện cực dán đo dẫn truyền		Cái	400
12	Miếng lót điện cực		Cái	600
13	Cực xỏ điện phân		Miếng	400
14	Gọng thở mũi lưu lượng cao	Các cỡ. Bao gồm: - Đầu nối xoay được làm bằng chất liệu PP hoặc tương đương - Dây đeo cổ bằng Polyester dài ≥85cm, rộng 8.5mm - Ống oxy và ngành mũi làm bằng chất liệu TPE hoặc tương đương - Dây đeo bằng chất liệu vải thun co giãn hoặc tương đương	Cái	300
15	Kim chọc động mạch	Kích cỡ 18G	Cái	800

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
16	Túi dẫn lưu mật ra da	Dùng chứa dịch dẫn lưu Kích cỡ: 800ml Chất liệu: PVC	Cái	600
17	Bao nylon kính hiển vi	Kích thước: $\geq 80 \times 150$ cm Tiệt trùng	Cái	150
18	Bao nylon kính hiển vi	Kích thước: $\geq 150 \times 170$ cm Tiệt trùng	Cái	70
19	Tấm lắc đôi	Dùng 1 lần RS25 Diện tích dẫn điện: 118cm ²	Cái	1.000
20	Bộ dây máy thở cao tần	Dây gọn dùng một lần, dùng cho người lớn, loại tiệt trùng Chất liệu: Polyethylene hoặc tương đương Chiều dài: ≥ 160 cm, đường kính: 22mm Thiết kế với 2 bể nước, co chữ Y. Đầu nối chữ L có cổng lấy mẫu khí.	Bộ	2.000
21	Ống nối dây máy thở cao tần	Dài 15cm, 2 đầu xoay 360 độ. Có cổng hút đàm	Cái	2.000
22	Giấy quỳ	Đo độ pH từ 1-14	Hộp	5
23	Bộ kim chọc dò động mạch	Bao gồm: Catheter kích cỡ 20G, chất liệu: FEP hoặc tương đương Kích thước dây dẫn đường: 0,025" x 25cm Kim dẫn: 5cm	Bộ	600
26	Tạp dề Plastic	Kích thước $\geq 80 \times 120$ mm Không tiệt trùng	Cái	70
27	Bao cao su	- Chất liệu: cao su tự nhiên và gel bôi trơn - Dùng cho siêu âm đầu dò - Tiệt trùng	Cái	4.800
28	Bộ rửa dạ dày	size ≥ 28 mm Sử dụng một lần	Bộ	250
29	Chai thủy tinh	Chất liệu: thủy tinh Thể tích ≥ 500 ml	Chai	6.000
30	Đè lưỡi gỗ	- Que đè lưỡi gỗ được làm từ gỗ tự nhiên. - Dùng để khám miệng, lưỡi, họng, - Kích thước: $\geq 150 \times 20 \times 2$ mm - Tiệt trùng	Cái	84.000
31	Miếng dán điện cực tim	Chất liệu PE-foam hoặc tương đương, độ bám dính cao, không để lại chất kết dính. Tương thích hầu hết với các loại cáp kết nối	Cái	150.000
32	Giấy đo điện tim 1 cần	Giấy điện tim, kích thước: ≥ 50 mm x 30m	Cuộn	160
33	Giấy lau siêu âm	Giấy lót dùng trong y tế Kích thước: các cỡ.	Kg	7.400
34	Kẹp rốn trẻ sơ sinh	- Chất liệu nhựa PP hoặc tương đương - Gồm 2 phần nối với nhau bằng các khớp răng, màu trắng, không chứa DEHP. - Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	9.600
35	Khẩu trang giấy y tế	- Chất liệu: vải PP không dệt hoặc tương đương, gồm 3 lớp. - Kích thước: (175 x 95mm) $\pm$ 5mm	Cái	16.000
36	Bộ gây tê ngoài màng cứng	- Kim đầu cong G18, dài ≥ 80 mm. - Catheter bằng polyamid và polyurethan hoặc tương đương, có ≥ 3 lỗ thoát thuốc và đường cân quang. - Màng lọc với kích thước lỗ lọc ≥ 0.2 micron, có miếng dán cố định. - Có bơm và kim tiêm thuốc	Bộ	2.000
37	Lưỡi dao mổ	Chất liệu: thép không rỉ hoặc tương đương Các số: 10 - 20	Cái	40.300
38	Lưới đặt thoát vị bẹn	Chất liệu: Polypropylene hoặc tương đương, không tiêu Kích thước: $\geq 5 \times 10$ cm	Miếng	200

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
39	Lưới đặt thoát vị bẹn	Chất liệu: Polypropylene hoặc tương đương, không tiêu Kích thước: $\geq 15 \times 15\text{cm}$	Miếng	80
40	Nhiệt kế thủy ngân	Dùng để đo thân nhiệt khi bị sốt, khoảng đo từ 35 - 42 độ C	Cái	1.200
41	Nút serum	Loại cao su tổng hợp, lõi mỏng	Cái	25.000
42	Nút serum	Loại nhôm trắng	Cái	50.000
43	Sáp cầm máu xương	Sáp xương. Thành phần 70% sáp ong trắng và 30% vaselin hoặc tương đương	Miếng	600
44	Tấm bông	Đầu bông của que tăm bông được làm từ bông y tế hoặc tương đương, hút nước	Bịch	5.200
45	Dụng cụ mở đường thở	- Chất liệu: Polyethylene hoặc tương đương. - Các số từ 0 - 5	Cái	13.000
46	Bao đo lượng máu sau sinh	- Thể tích $\geq 2000\text{ml}$. Chất liệu: nhựa HDPE nguyên chất, không thấm nước. - Kích thước : $\geq 1.050 \times 700\text{mm}$ - Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	16.000
47	Túi nước tiểu có dây	- Thể tích $\geq 2000\text{ml}$ - Chất liệu: nhựa y tế PVC hoặc tương đương. - Độ dày 1.2mm, dây dẫn dài 90cm. Van xả phía dưới chữ T, van không chảy ngược và có van kéo đẩy. Có quai treo đục lỗ. Có vạch chia dung tích mỗi 100ml - Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	33.000
48	Áo chì phòng X-quang	Kích thước (dài x rộng): $\geq 100 \times 60\text{cm}$ Độ dày chì: 0.35mmPb hoặc 0.5mmPb Có khả năng chống lại các tia xạ, tia X-Ray Phù hợp với cả nam và nữ	Cái	12
49	Bóng đèn bộ đặt nội khí quản	Bóng đèn chân không 2.7V Loại nhỏ dùng cho lưỡi thẳng các số từ 00-1 Loại lớn dùng cho lưỡi thẳng các số từ 2-4, lưỡi cong các số từ 0-5	Cái	140
50	Bóng đèn vàng da	Loại chữ U	Cái	200
51	Bóng đèn hồng ngoại		Cái	80
52	Đầu huyết áp		Cái	150
53	Đồng hồ Oxy	Bao gồm: Đồng hồ đo lượng oxy trong bình Cổng kết nối bình oxy Bình tạo ẩm khí oxy loại 200ml Tốc độ lưu lượng: 1-15 lít/phút	Bộ	400
54	Đồng hồ Oxy	Loại 2 nhánh	Bộ	30
55	Bộ đèn đặt nội khí quản	Bộ gồm: 04 lưỡi cong các số từ 1-4 hoặc 04 lưỡi thẳng các số từ 0-3 Bóng đèn chân không 2.7V nằm trên lưỡi, 01 cán tay cầm pin trung, 01 hộp đựng	Cái	60
56	Bộ đèn đặt nội khí quản	Dùng cho trẻ sơ sinh Bộ gồm: 03 lưỡi cong các số từ 0-5 hoặc 03 lưỡi thẳng các số từ 00-4 Bóng đèn chân không 2.7V nằm trên lưỡi 01 cán tay cầm pin trung hoặc pin tiểu, 01 hộp đựng	Cái	20
57	Lưỡi đèn đặt nội khí quản	Loại cong các số từ 0-5 hoặc loại thẳng các số từ 00-4 Bóng đèn chân không 2,7V nằm trên lưỡi	Cái	20

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
58	Bộ đặt nội khí quản	Dùng cho trẻ sơ sinh Bộ gồm: 03 lưỡii thẳng các số từ 00-1 Bóng đèn Led Bóng đèn tích hợp trong cán pin 01 cán tay cầm pin trung hoặc pin tiểu, 01 hộp đựng	Bộ	15
59	Bộ đặt nội khí quản	Bộ gồm: 03 lưỡii cong các số từ 0-2 Bóng đèn Led Bóng đèn tích hợp trong cán pin 01 cán tay cầm pin trung hoặc pin tiểu, 01 hộp đựng	Bộ	15
VII.	Nhóm số 7: Mua sắm túi cho ăn đặt nhà thuốc			
1	Túi cho ăn qua sonde dạ dày	Thể tích: 1200ml Tiệt trùng bằng khí EO	Túi	9.000
2	Sonde mũi dạ dày	Chất liệu: 100% silicone y tế, không chứa cao su, không gây kích ứng Kích thước: 14Fr Độ dài: 91cm	Túi	2.500

PHỤ LỤC 02
MẪU YÊU CẦU CHÀO GIÁ CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NINH THUẬN

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hạn dùng ($\geq$ tháng)	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(9)*(10)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									
	Tổng cộng									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí dịch vụ liên quan.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày.... tháng....năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC 02.1

MẪU ĐÍNH KÈM TÀI LIỆU THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NINH THUẬN

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận

Trên cơ sở yêu cầu cung cấp các tài liệu đính kèm báo giá của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] cung cấp như sau:

Stt	Stt theo thư yêu cầu chào giá	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Mã sản phẩm	Phân loại BHYT	Hồ sơ công bố tiêu chuẩn (Loại A, B)	Số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu (Loại C, D)	Ghi chú
1								
2								
...								

....., ngày.... tháng....năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))